

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 11-TC/CNA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 1985

THÔNG TƯ

CỦA BỘ TÀI CHÍNH SỐ 11-TC/CNA NGÀY 10 THÁNG 3 NĂM 1985 HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ PHÂN PHỐI LỢI
NHUẬN VÀ TRÍCH
LẬP QUỸ XÍ NGHIỆP TRONG CÔNG NGHIỆP QUỐC DOANH

Thi hành Nghị quyết số 156-HĐBT ngày 30-11-1984 của Hội đồng Bộ trưởng về một số vấn đề cải tiến quản lý công nghiệp quốc doanh, Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ xí nghiệp trong công nghiệp quốc doanh như sau:

I- NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Lợi nhuận định mức được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (hoặc bằng số tuyệt đối) trên giá thành hợp lý của sản phẩm xí nghiệp để làm giá bán buôn xí nghiệp. Do đó về nguyên tắc lợi nhuận định mức được áp dụng ổn định cho nhiều năm cùng với việc ổn định giá bán buôn xí nghiệp của sản phẩm.

Chế độ phân phối lợi nhuận được xây dựng phù hợp với cơ cấu và thành phần của lợi nhuận định mức. Việc thực hiện chế độ phân phối lợi nhuận hàng năm sẽ căn cứ vào số lợi nhuận định mức. Việc thực hiện chế độ phân phối lợi nhuận hàng năm sẽ căn cứ vào số lợi nhuận kế hoạch và lợi nhuận thực tế đạt được của đơn vị xí nghiệp.

Lợi nhuận kế hoạch pháp lệnh hàng năm của xí nghiệp khác với lợi nhuận định mức, do hàng năm có sự thay đổi về kế hoạch sản lượng tiêu thụ, chất lượng sản phẩm, kết cầu mặt hàng, giá bán bình quân và giá thành sản phẩm.

Trong lợi nhuận kế hoạch pháp lệnh hàng năm của xí nghiệp sẽ bao gồm lợi nhuận kế hoạch của phần sản xuất bằng vật tư do Nhà nước cung ứng và bằng vật tư do xí nghiệp tự tìm kiếm thêm.

Lợi nhuận ngoài chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh là lợi nhuận của phần sản xuất những sản phẩm do xí nghiệp tìm kiếm và khai thác những nguồn khả năng mới để sản xuất thêm không thuộc những mặt hàng đã ghi trong kế hoạch pháp lệnh Nhà nước giao cho xí nghiệp.

Lợi nhuận thực hiện thuộc chỉ tiêu pháp lệnh của xí nghiệp bao gồm lợi nhuận trong kế hoạch pháp lệnh và lợi nhuận vượt kế hoạch pháp lệnh của phần sản xuất bằng vật tư do Nhà nước cung ứng và bằng vật tư tìm kiếm. Lợi nhuận thực hiện của phần sản xuất sản phẩm ngoài chỉ tiêu pháp lệnh thì chủ yếu là bằng nguồn vốn vật tư tự tìm kiếm. Lợi nhuận thực hiện của phần sản xuất sản phẩm ngoài chỉ tiêu pháp lệnh thì chủ yếu là bằng nguồn vật tư tự tìm kiếm.

Lợi nhuận thực hiện chỉ bao gồm khoản chênh lệch giữa giá xí nghiệp được duyệt với giá thành thực tế. Các xí nghiệp không được tính vào lợi nhuận thực hiện các khoản chênh lệch giá.

2. Các khoản phải nộp phạt do vi phạm hợp đồng, vi phạm chế độ tín dụng ngân hàng và các khoản chi phí bất hợp lý, bất hợp lệ... xí nghiệp không được hạch toán vào giá thành mà phải trừ vào phần lợi nhuận để lại xí nghiệp sau khi thực hiện việc phân phối lợi nhuận giữa ngân sách và xí nghiệp.

3. Do cơ chế phân phối các phần lợi nhuận nói trên khác nhau, xí nghiệp phải hạch toán rành mạch từng phần lợi nhuận nhằm đánh giá đúng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp và bảo đảm phân phối được công bằng, hợp lý.

4. Lợi nhuận trong chỉ tiêu pháp lệnh của xí nghiệp (bao gồm lợi nhuận của phần sản xuất bằng vật tư do Nhà nước cung ứng và vật tư tự tìm kiếm thêm) đều phải được kế hoạch hoá trong một kế hoạch sản xuất kỹ thuật tài chính thống nhất của xí nghiệp.

Nhà nước khuyến khích xí nghiệp tự tìm kiếm nguồn bổ sung vật tư để tăng sản xuất sản phẩm kể cả trong và ngoài chỉ tiêu pháp lệnh bằng cách giành phần lợi nhuận để lại xí nghiệp cao hơn so với kế hoạch sản xuất bằng vật tư do Nhà nước cung ứng.

Nhằm khuyến khích xí nghiệp lập kế hoạch pháp lệnh tích cực và chủ động cân đối trong kế hoạch, phần lợi nhuận thực hiện của cả kế hoạch sản xuất bằng vật tư do Nhà nước cung ứng và bằng vật tư tự tìm kiếm trong kế hoạch được tỷ lệ khuyến khích cao hơn. Phần vượt kế hoạch cũng được khuyến khích, nhưng với tỷ lệ thấp hơn.

5. Khuyến khích xí nghiệp hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu pháp lệnh chủ yếu của Nhà nước. Nếu không hoàn thành thì sẽ phải trừ vào phần lợi nhuận để lại xí nghiệp, nhằm tránh tình trạng xí nghiệp chỉ chạy theo lợi nhuận, hạch toán tăng lợi nhuận trong khi không hoàn thành các chỉ tiêu sản phẩm giao nộp và chất lượng sản phẩm.
6. Xí nghiệp được thực hiện việc trích lập 3 quỹ kịp thời ngay từng quý trong năm, sau khi hoàn thành nghĩa vụ thu nộp ngân sách Nhà nước.
7. Bảo đảm mối quan hệ hợp lý giữa tiền lương và tiền thưởng.
8. Mở rộng hơn phạm vi sử dụng lợi nhuận, phạm vi sử dụng quỹ khuyến khích phát triển sản xuất, quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng nhằm giảm bớt bao cấp của ngân sách và nâng cao hơn quyền tự chủ của xí nghiệp trong việc sử dụng phần lợi nhuận để lại xí nghiệp.

II- PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP QUỸ XÍ NGHIỆP

Từ năm 1985, về cơ bản tất cả sản phẩm các xí nghiệp, các ngành đều phải xác định lại giá bán buôn xí nghiệp trên cơ sở giá thành hợp lý và lợi nhuận định mức quy định.

Tuy nhiên có thể có một số sản phẩm xí nghiệp chưa kịp làm lại giá bán buôn xí nghiệp từ đầu năm 1985 và có thể còn một vài sản phẩm cá biệt phải chịu lỗ theo chính sách giá của Nhà nước. Do đó chế độ phân phối lợi nhuận có quy định riêng, cho từng loại xí nghiệp cho phù hợp.

A. ĐỐI VỚI NHỮNG XÍ NGHIỆP ĐÃ XÁC ĐỊNH LẠI

GIÁ BÁN BUÔN XÍ NGHIỆP

1. Kế hoạch hoá phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận kế hoạch pháp lệnh của sản phẩm sản xuất bằng vật tư do Nhà nước cung ứng được để lại xí nghiệp 50% và nộp ngân sách 50% và của sản phẩm sản xuất bằng vật tư tự tìm kiếm được để lại xí nghiệp 80% - đối với các ngành công nghiệp nhẹ, công nghệ chế biến lương thực, thực phẩm (gọi chung là CNB) và 80% - đối với các ngành công nghiệp nặng, khai thác gỗ, đánh cá biển (gọi chung là CNA). Phần còn lại (40% và 20%) nộp vào ngân sách Nhà nước.

Phần để lại xí nghiệp theo kế hoạch đăng ký (50%, 60% và 80%) xí nghiệp được phân cho 3 quỹ, theo những tỷ lệ quy định như sau:

- Cho quỹ khuyến khích phát triển sản xuất 35% - đối với các ngành CNB và 40% - đối với các ngành CNA.
- Số còn lại trích vào 2 quỹ khen thưởng và phúc lợi, trong đó 2/3 cho quỹ khen thưởng và 1/3 cho quỹ phúc lợi.

Trường hợp xí nghiệp sản xuất loại sản phẩm vừa bằng vật tư do Nhà nước cung ứng, vừa bằng vật tư tự tìm kiếm thêm thì xí nghiệp xác định số sản phẩm của từng phần kế hoạch đó trên cơ sở tỷ lệ thuận với giá trị vật tư tham gia sản xuất ra sản phẩm (tính theo một giá đồng nhất - giá chỉ đạo Nhà nước - để xác định cho thống nhất).

Số chênh lệch giá về vật tư tự tìm kiếm nói trên được phân bổ vào giá thành sản phẩm sản xuất bằng vật tư tự tìm kiếm. Trên cơ sở giá thành và giá bán của sản phẩm đó mà xác định lợi nhuận của phần sản xuất bằng vật tư tự tìm kiếm.

- Đối với những sản phẩm nằm ngoài chỉ tiêu pháp lệnh, xí nghiệp phải thực hiện việc nộp thuế và thu quốc doanh kịp thời vào ngân sách Nhà nước khi giao sản phẩm. Mức thu thuế và thu quốc doanh do Bộ Tài chính quy định trên cơ sở tương ứng với những sản phẩm cùng loại nằm trong chỉ tiêu pháp lệnh.

2. Thực hiện việc phân phối lợi nhuận:

Kế hoạch về tổng số lợi nhuận phát sinh và số lợi nhuận phải nộp ngân sách của những sản phẩm trong chỉ tiêu pháp lệnh của xí nghiệp nói ở điểm 1, mục A, phần II được duyệt và trở thành chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước giao cho xí nghiệp.

Số lợi nhuận phải nộp ngân sách Nhà nước, xí nghiệp có nhiệm vụ nộp đều đặn hàng tháng (hoặc theo định kỳ do đặc điểm chu kỳ sản xuất sản phẩm) vào ngân sách Nhà nước trên cơ sở số kế hoạch đã xác định và thực tế phát sinh.

Số được trích 3 quỹ theo kế hoạch nói trên được phân ra làm 4 quý và xí nghiệp được tạm trích 70% hàng quý và mỗi quỹ theo kế hoạch được duyệt sau khi đã hoàn thành việc nộp lợi nhuận vào ngân sách Nhà nước từng tháng (hoặc theo định kỳ do đặc điểm chu kỳ sản xuất sản phẩm) theo kế hoạch và có ý kiến xác nhận của cơ quan tài chính (Chi cục thu quốc doanh

và quản lý tài chính xí nghiệp trung ương - đối với các đơn vị xí nghiệp trung ương; hoặc tài chính địa phương - đối với các xí nghiệp địa phương.

Hết năm, khi xét duyệt quyết toán (bao gồm việc xét duyệt để trích lập chính thức các quỹ xí nghiệp) xí nghiệp sẽ được tính toán đầy đủ số trích lập 3 quỹ theo chế độ quy định, sau khi loại trừ các khoản chênh lệch giá, lợi nhuận thực hiện trong phạm vi của số kế hoạch đã duyệt được phân phối như quy định ở mục 1 phần A nói trên (50% nộp ngân sách Nhà nước, 50% để lại xí nghiệp - đối với phần sản xuất bằng vật tư do Nhà nước cung ứng; và từ 20% đến 40% nộp ngân sách Nhà nước từ 60% đến 80% để lại xí nghiệp - đối với phần sản xuất bằng vật tư tự tìm kiếm). Phần để lại xí nghiệp được phân phối cho 3 quỹ theo tỷ lệ quy định sau khi trừ đi các khoản phải nộp phạt về vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt nợ ngân hàng quá hạn, chi trả các khoản bất hợp lý, bất hợp lệ không được hạch toán vào giá thành như các khoản chi phí tiêu cực, lãng phí, sử dụng sản phẩm sản xuất ra không đúng chế độ quy định, v.v...

Phần lợi nhuận vượt kế hoạch pháp lệnh bao gồm cả phần kế hoạch sản xuất bằng vật tư do Nhà nước cung ứng và phần sản xuất bằng vật tư do xí nghiệp tự tìm kiếm được phân phối 60% nộp ngân sách Nhà nước, 40% để lại xí nghiệp, phần để lại xí nghiệp được phân phối cho 3 quỹ cũng theo các tỷ lệ tương ứng nói trên.

Nếu xí nghiệp không hoàn thành hai chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh chủ yếu cả năm nói sau đây thì cứ mỗi phần trăm không hoàn thành về một chỉ tiêu, phải trừ đi 2% số tiền được trích cho mỗi quỹ (3 quỹ):

-Giá trị sản lượng hàng hoá thực hiện , trong đó có phần cho xuất khẩu .

-Sản phẩm giao nộp theo chủng loại , chất lượng do nhà nước quy định và theo hợp đồng đã ký kết , trong đó có phần cho xuất khẩu .

Nếu xí nghiệp vi phạm chế độ chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước kê dưới đây thì cứ mỗi vi phạm sẽ tùy theo mức độ vi phạm mà giảm trừ từ 2 đến 5% số tiền được trích cho mỗi quỹ (3 quỹ)

Nộp không đầy đủ và kịp thời theo kế hoạch hàng quỹ các khoản nộp ngân sách như lợi nhuận, thu quốc doanh, khấu hao cơ bản phải nộp và các khoản phải nộp khác như chênh lệch giá, v.v...

Vi phạm các chế độ báo cáo thống kê kế toán.